

Bản án số: **113/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **21-10-2021**

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Sương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Phạm Đức Anh.**

**Bà Trần Thị Kim Tân.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Th** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** **Không tham gia.**

Ngày **21** tháng **10** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **102/2021/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **120/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày **08** tháng **7** năm **2021**; **Thông báo mở lại phiên tòa dân sự số 88/2021/TB-TA** ngày **04/10/2021** giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1995 (**vắng mặt**)

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1989 (**vắng mặt**)

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:** Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Trương Văn T chung sống với nhau từ năm 2019, đến năm 2020 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống anh chị có hạnh phúc trong thời gian đầu kết hôn, đến cuối năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, anh T thiếu trách nhiệm với vợ con, gia đình, thường ăn nhậu về nhà chửi bới, đánh đập chị. Anh T không chung thủy với chị mà còn qua lại với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị

không còn chung sống từ ngày 19/3/2021 đến nay, từ khi chị đưa con về nhà ngoại sinh sống thì anh T vẫn không chịu thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Anh chị có 01 con chung tên là Trương Văn Nhật Th, sinh ngày 12/8/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trương Văn T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình làm việc tại tòa án anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Lợi vẫn cương quyết ly hôn, do đó, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lợi.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Trương Văn Nhật Th, sinh ngày 12/8/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L, anh Trương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L, Anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2020, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L nhận thấy: Chị L cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu kết hôn, đến khoảng cuối năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, anh T thiếu trách nhiệm với vợ con, gia đình, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà chửi bới, đánh đập chị. Anh T cũng không chung thủy với chị mà còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị sống ly thân từ ngày 19/3/2021 đến nay; nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu ly hôn. Quá trình làm việc anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Lợi vẫn cương quyết ly hôn, không chấp nhận quay về chung sống với anh nên anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là hôn nhân tự nguyện; vợ chồng phải cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị Lợi và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2021 đến nay; trong thời gian ly thân cho đến nay, anh chị không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình.

Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị Lê Thị Lợi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Văn Nhật Th, sinh ngày 12/8/2020. Xét thấy cháu Thảo còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị L; anh T đồng ý giao cháu Th cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cháu Th cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L, anh Trương Văn T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị L, anh Trương Văn T trình bày không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, **Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**; Các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Văn Nhật Th, sinh ngày 12/8/2020 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L, anh Trương Văn T tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Trương Văn T được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

Khi cần thiết, chị Lê Thị L, anh Trương Văn T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0004715 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Chị Lê Thị L, anh Trương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **phường, xã, thị trấn**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Sương**